

**ĐỒ ÁN J2TEAMSHOOL**

**Shop bán áo**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp thầy Nong - 21** | |
| **Thành viên** | Prox (Nhóm trưởng)  Nguyễn Minh Châu |
| **Giảng viên** | NNL |

<Tên thành phố>, <tháng>/<năm>**Mục lục**

[1. Mở đầu 3](#_Toc96011982)

[2. Giới thiệu 4](#_Toc96011983)

[2.1. Đưa ra vấn đề 4](#_Toc96011984)

[2.2. Hệ thống hiện tại 4](#_Toc96011985)

[2.3. Hệ thống đề nghị 4](#_Toc96011986)

[2.4. Công nghệ 4](#_Toc96011987)

[3. Phân tích yêu cầu người dùng 5](#_Toc96011988)

[3.1. Yêu cầu phi chức năng 5](#_Toc96011989)

[3.2. Yêu cầu chức năng 5](#_Toc96011990)

[3.2.1. Nhóm người dùng của hệ thống 5](#_Toc96011991)

[3.2.2. Phân tích chức năng 6](#_Toc96011992)

[4. Thiết kế hệ thống 17](#_Toc96011993)

[a. Sơ đồ quan hệ thực thể 17](#_Toc96011994)

[b. Sơ đồ cơ sở dữ liệu 18](#_Toc96011995)

[c. Sơ đồ trang web 22](#_Toc96011996)

[5. Kết luận 23](#_Toc96011997)

[6. Phân công công việc 24](#_Toc96011998)

# Mở đầu

<Giới thiệu chung cũng như đưa ra lời cảm ơn>

# Giới thiệu

## Đưa ra vấn đề

Hiện tại shop bán áo gặp lưu lượng khách hàng đông gây nhiều khó khăn trong việc quản lí doanh thu, nhân sự. Vì vậy cần một hệ thống bán hàng và quản lí giúp giải quyết những bất lợi.

## Hệ thống hiện tại

Thực hiện thủ công trên giấy tờ

## Hệ thống đề nghị

Hệ thống mới chính xác hơn, lưu trữ dữ liệu đơn giản hơn. Dễ dàng quản lí doanh thu, nhân sự. Tiết kiệm thời gian hơn.

## Công nghệ

1. PHP 7.2.0
2. Javascript
3. HTML, CSS
4. MySQL

# Phân tích yêu cầu người dùng

## Yêu cầu phi chức năng

- Dễ nhìn.

- Đơn giản.

- Màu sắc bắt mắt.

- Dùng được trên nhiều thiết bị, trình duyệt.

## Yêu cầu chức năng

### Nhóm người dùng của hệ thống

- Khách hàng.

- Nhân Viên.

- Quản lí.

* **Khách hàng chưa có tài khoản:**
  + Đăng ký.
  + Xem tất cả sản phẩm.
  + Tìm kiếm.
* **Khách hàng có tài khoản:**
  + Đăng ký.
  + Đăng nhập.
  + Xem tất cả sản phẩm.
  + Tìm kiếm.
  + Đánh giá.
* **Nhân viên**
  + Đăng nhập, đăng xuất.
  + Đặt lại mật khẩu.
  + Xem tổng quan.
  + Xem, thêm, sửa sản phẩm.
  + Xem, thay đổi tình trạng đơn.
* **Quản lý**
  + Đăng nhập, đăng xuất.
  + Tìm kiếm.
  + Đặt lại mật khẩu.
  + Xem tổng quan.
  + Thêm, sửa sản phẩm.
  + Thay đổi tình trạng đơn.
  + Quản lí nhân viên (xem, thêm, sửa, xóa).
  + Quản lí nhà sản xuất (xem, thêm, sửa).
  + Quản lí sản phẩm (xem, thêm, sửa, xóa).

### Phân tích chức năng

<Phân tích yêu cầu cho từng chức năng đã xác định ở phần 3.2.1. Mỗi chức năng cần theo cấu trúc như đã hướng dẫn: thông tin đầu vào, thông tin đầu ra, cách thức xử lý, dữ liệu cần lưu trữ>

* **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng, Admin, Super Admin. |
| ***Mô tả*** | Đăng nhập. |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đăng nhập” trên thanh menu. |
| ***Đầu vào*** | * Tên đăng nhập. * Mật khẩu. |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Hiện thị form đăng nhập. 2. Kiểm tra thông tin hợp lệ khi bấm nút đăng nhập.    1. Không hợp lệ: hiện thị thông báo bên cạnh ô thông tin không hợp lệ (không để trống, email hợp lệ, ...).    2. Hợp lệ: lấy thông tin từ form, thực hiện bước 3. 3. Kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu có khớp với 1 tài khoản nào không.    1. Đúng:       1. Tạo phiên đăng nhập, lưu tên, token, mã tài khoản vào phiên.       2. Tải lại trang.    2. Sai: Hiện thị thông báo “tài khoản hoặc mật khẩu không chính xác”. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiển thị trang chủ và thông báo thành công. * Sai: Hiển thị form đăng nhập và thông báo thất bại. |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra thông tin hợp lệ bằng jquery-validate * Hiện thị form đăng nhập bằng modal bootstrap. * Form đăng nhập Khách hàng khác với form đăng nhập Admin và Super Admin |

* **Đăng ký**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng. |
| ***Mô tả*** | Đăng ký. |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đăng ký” trên thanh menu. |
| ***Đầu vào*** | * Tên. * Email. * Mật khẩu. * Nhập lại mật khẩu. |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Hiện thị form đăng ký. 2. Kiểm tra thông tin hợp lệ khi bấm nút đăng ký.    1. Không hợp lệ: hiện thị thông báo bên cạnh ô thông tin không hợp lệ (không để trống, email hợp lệ, ...).    2. Hợp lệ: lấy thông tin từ form, thực hiện bước 3. 3. Kiểm tra trùng email lần 2.    1. Trùng: hiện thị thông báo trùng email.    2. Không: thực hiện bước 4. 4. Tạo token. 5. Tạo tài khoản khách hàng vào CSDL. 6. Tạo phiên đăng nhập, lưu tên, token, mã khách hàng vào phiên. 7. Thông báo thành công. Tải lại trang. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiện thị trang chủ và thông báo thành công * Sai: Hiện thị form đăng ký và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra thông tin hợp lệ bằng jquery-validate * Hiện thị form đăng ký bằng modal bootrap. |

* **Tìm kiếm sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng |
| ***Mô tả*** | Tìm kiếm sản phẩm |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn phím “Enter” trên thanh tìm kiếm |
| ***Đầu vào*** | * Nội dung tìm kiếm |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Kết nối CSDL 2. Tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa tìm kiếm.    1. Có: Hiện thị các sản phẩm tìm kiếm lên trang chủ.    2. Không: Hiện thị trống. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiện thị sản phẩm lên trang chủ. * Sai: Trống. |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Lọc sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng |
| ***Mô tả*** | Lọc sản phẩm. |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Áp dụng” bên thanh danh mục sản phẩm. |
| ***Đầu vào*** | * Nhà sản xuất. * Loại sản phẩm. * Già từ - Giá đến. |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Kết nối CSDL 2. Lọc sản phẩm với trường hợp cụ thể. 3. Hiện thị sản phẩm với kết quả lọc được. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiện thị sản phẩm lên trang chủ. * Sai: Phần hiện thị sản phẩm để trống. |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập. |
| ***Mô tả*** | Trang giỏ hàng. |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Giỏ hàng” trên thanh menu. |
| ***Đầu vào*** |  |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên xử lý. 2. Lấy thông tin của giỏ hàng từ phiên. 3. Hiện thị thông tin sản phẩm trên trang giỏ hàng. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiện thị thông tin sản phẩm. * Sai: Hiện thị empty cart. |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm vào giỏ hàng” cạnh sản phẩm |
| ***Đầu vào*** | * Mã sản phẩm |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên xử lý 2. Kiểm tra mã sản phẩm truyền lên    1. Trống: điều hướng quay lại và báo lỗi 3. Kiểm tra trong phiên giỏ hàng đã tồn tại mã sản phẩm này chưa    1. Không:       1. Kết nối CSDL       2. Lấy thông tin sản phẩm theo mã       3. Truyền thông tin sản phẩm vào phiên giỏ hàng theo mã sản phẩm (tên, ảnh, giá, số lượng để mặc định là 1)    2. Có: tăng số lượng lên 1 trong phiên giỏ hàng theo mã sản phẩm |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng quay lại và thông báo thành công * Sai: Điều hướng quay lại và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Xử lý đặt hàng sau khi đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đặt hàng” |
| ***Đầu vào*** | * Tên người nhận * Số điện thoại người nhận * Địa chỉ người nhận * Ghi chú |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên 2. Mở kết nối CSDL 3. Lấy thông tin giỏ hàng từ phiên 4. Tính tổng tiền tất cả sản phẩm trong giỏ 5. Lấy mã người dùng từ phiên đăng nhập 6. Thêm hoá đơn (mã người dùng, tên người nhận, sđt người nhận, địa chỉ người nhận, trạng thái - mặc định là 0, tổng tiền) 7. Lấy mã đơn vừa thêm 8. Chạy vòng lặp từng sản phẩm trong giỏ để thêm vào hoá đơn chi tiết (mã hoá đơn, mã sản phẩm, số lượng đã đặt) 9. Xoá giỏ hàng khỏi phiên 10. Đóng kết nối CSDL |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng quay lại và thông báo thành công |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Thêm mặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Nhân viên, Quản lí |
| ***Mô tả*** | Thêm mặt hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm mặt hàng” |
| ***Đầu vào*** | * Tên mặt hàng * Gía mặt hàng * Mô tả mặt hàng * Hình ảnh mặt hàng * Số lượng * Tên nhà sản xuất * Loại áo |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Kiểm tra nhân viên/ quản lí đã đăng nhập hay chưa(Nếu chưa thì điều hướng đến trang đăng nhập) 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra và lọc dữ liệu 4. Thêm hình ảnh vào thư mục 5. Thêm dữ liệu vào CSDL 6. Đóng kết nối CSDL |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng quay lại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Sửa mặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Nhân viên, Quản lí |
| ***Mô tả*** | Sửa mặt hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Sửa” |
| ***Đầu vào*** | * Tên mặt hàng * Gía mặt hàng * Mô tả mặt hàng * Hình ảnh mặt hàng * Số lượng * Tên nhà sản xuất * Loại áo |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Kiểm tra nhân viên/ quản lí đã đăng nhập hay chưa(Nếu chưa thì điều hướng đến trang đăng nhập) 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra và lọc dữ liệu 4. Thêm hình ảnh vào thư mục 5. Xóa ảnh cũ 6. Cập nhật dữ liệu vào CSDL 7. Đóng kết nối CSDL |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng quay lại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xóa mặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Nhân viên, Quản lí |
| ***Mô tả*** | Xóa mặt hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Xóa” |
| ***Đầu vào*** | * ID mặt hàng |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Gửi xác nhận muốn xóa 2. Kiểm tra đã đăng nhập hay chưa (Nếu chưa thì điều hướng đến trang đăng nhập) 3. Kết nối CSDL 4. Kiểm tra xem mặt hàng đã bán ra hay chưa (Nếu chưa thì gửi thông báo không thể xóa) 5. Xóa dữ liệu có id trùng với mã mặt hàng trên CSDL 6. Đóng kết nối |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng về trang sản phẩm |
| ***Lưu ý*** |  |

# Thiết kế hệ thống

## Sơ đồ quan hệ thực thể

Diagram

Description automatically generated

## Sơ đồ cơ sở dữ liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **customer** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(20) |
| gender | bit(2) |
| dob | date |
| email | varchar(20) |
| password | varchar(20) |
| phone | varchar(20) |
| address | varchar(50) |
| token | varchar(50) |

|  |  |
| --- | --- |
| **bill** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| customer\_id | int(11) |
| time\_order | datetime |
| recipient\_name | varchar(20) |
| customer\_phone | varchar(20) |
| customer\_address | varchar(30) |
| note | varchar(30) |
| status | tinyint(4) |
| **product** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(50) |
| description | text |
| image | text |
| cost | double |
| quantity | int(11) |
| manufacturer\_id | int(11) |
| sold | int(11) |
| type\_id | int(11) |

|  |  |
| --- | --- |
| **rate\_product** | |
| product\_id | int primary key |
| customer\_id | int primary key |
| rate | smallint |
| comment | text |

|  |  |
| --- | --- |
| **type** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(30) |

|  |  |
| --- | --- |
| **manufacturer** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(20) |

|  |  |
| --- | --- |
| **employee** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(20) |
| phone | varchar(20) |
| address | varchar(50) |
| gender | bit(2) |
| dob | date |
| email | varchar(50) |
| password | varchar(50) |
| level\_id | int(11) |
| token | text |
| manager\_id | tinyint(4) |

|  |  |
| --- | --- |
| **bill\_detail** | |
| bill\_id | int |
| product\_id | int(11) |
| quantity | int(11) |

Graphical user interface, application

Description automatically generated

## Sơ đồ trang web

Admin:

Chart, box and whisker chart

Description automatically generated

# Kết luận

<Đã làm được những gì? Hướng mở rộng? Lời cảm ơn>

# Phân công công việc

<Liệt kê các công việc cần thực hiện trong đó chỉ rõ sự phân công trách nhiệm và thời gian bắt đầu, hoàn thành >